

Bản án số: 11/2019/HS-PT
Ngày: 18-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 207/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 290/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 tại tỉnh A. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A; tạm trú: Số nhà C, khu phố 3, phường C, thành phố T, tỉnh B; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ làm ghế; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quốc Th (chết) và bà Huỳnh Thị H; vợ: Trần Ngọc H (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2018 và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có 01 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc T và bà Hoàng Thị Thanh T quen biết nhau từ khoảng đầu tháng 4/2018. Do bà T sản xuất ghế sofa để kinh doanh và biết T đang cần việc làm nên bà T và T thỏa thuận về việc bà T sẽ bỏ vốn mua trang thiết bị, nguyên

vật liệu để T làm ghế sofa và khi làm ra sản phẩm, T sẽ là người tìm kiếm khách hàng, giao hàng và nhận tiền từ khách hàng về đưa cho bà T.

Đến giữa tháng 5/2018, do T không có xe để đến nhà bà T làm việc nên bà T cho T mượn xe mô tô biển số 54T3-9324 và bà T nói với T xe này là xe bà T mua lại của người khác có làm hợp đồng ủy quyền nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe, vì vậy bà T chỉ cho T mượn tạm để đi lại phục vụ cho công việc và yêu cầu T không được mua bán, cầm cố, chỉ sử dụng xe trong khu vực thành phố T, tỉnh B thì T đồng ý.

Ngày 18/5/2018, T đi giao cho ông Nguyễn Trọng K 01 ghế sofa và nhận số tiền 2.000.000 đồng từ ông K. Đến ngày 24/5/2018, T đến cửa hàng nội thất của ông K (không có tên) để lấy số tiền 2.000.000 đồng. Do T đang thiếu nợ nhiều người và cần tiền để trả nợ nên T nảy sinh ý định cầm xe mô tô biển số 54T1-9324 của bà T để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, khoảng 15 giờ cùng ngày 24/5/2018, sau khi T đến cửa hàng của ông K để lấy tiền, T mang xe của bà T đến gặp bạn là Phan Văn Kh, T nhờ Kh đem xe của bà T đi cầm giùm cho T và T hẹn với Kh khoảng 2, 3 ngày sau T sẽ chuộc lại xe thì Kh đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 25/5/2018, Kh điều khiển xe mô tô biển số 54T3-9324 đến khu vực phường T, thị xã T, tỉnh B để cầm cho người nam tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi cầm được xe, Kh gặp và đưa cho T số tiền này. T trả cho Kh 5.500.000 đồng là tiền T nợ Kh và T cho Kh mượn 500.000 đồng. Còn lại 1.000.000 đồng, T trả nợ cho người nam tên P (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau đó, T bỏ trốn đến Thành phố H để tìm việc làm.

Cùng ngày 25/5/2018, bà T không thấy Tg đến nhà bà T để làm việc nên bà T điện thoại cho T thì T nói với bà T là T điều khiển xe đi đến Thành phố H, T sẽ về gặp bà T sau. Sau đó, bà T không thấy T quay về nên bà T nhiều lần điện thoại, nhắn tin cho T nhưng T không trả lời. Đến ngày 29/5/2018, bà T đến Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc.

Ngày 28/5/2018, Kh điện thoại hỏi T khi nào chuộc lại xe thì T hẹn với Kh 3 ngày sau sẽ đi chuộc lại xe. Đến ngày 30/5/2018, Kh vẫn không thấy T đi chuộc lại xe nên Kh đến gặp bà T. Lúc này, Kh mới biết xe mô tô biển số 54T3-9324 không phải là xe của cô ruột T như T đã nói với Kh mà xe này là của bà T. Ngày 08/6/2018, T hẹn với Kh đến ngày 09/6/2018 sẽ đi chuộc lại xe nên Kh báo cho bà T biết thời gian, địa điểm chuộc xe. Khoảng 09 giờ ngày 09/6/2018, Kh và T đến quán cà phê 160 thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương gặp người nam tên Tr để chuộc lại xe. Lúc này, T đưa tiền chuộc lại xe cho người nam tên Tr còn Kh đứng ở ngoài. Sau khi T nhận lại xe, Kh thấy T có ý định không trả lại xe cho bà T nên Kh đến chặn xe và rút chìa khóa xe, đồng thời Kh gọi điện báo cho bà T cùng Công an phường P đến làm việc. Cùng ngày 09/6/2018, Công an phường P chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 210/KLTS-TTHS ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô biển số 54T3-9324, trị giá: 23.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 290/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2018.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/11/2018, bị cáo Nguyễn Quốc T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Quốc T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quốc T nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T lập ngày 21 tháng 11 năm 2018 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Quốc T lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Hoàng Thị Thanh T giao xe mô tô biển số 54T3-9324 cho bị cáo sử dụng đi lại để phục vụ cho công việc nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bà T. Ngày 24/5/2018, bị cáo đem xe của bà T đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 23.000.000 đồng. Hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của công dân là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, bị cáo đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 290/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thành phố T;	2
- VKSND thành phố T;	1
- Chi cục THADS thành phố T;	1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;	1
- Công an thành phố T;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.	2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Huỳnh Đức

Lê Quân Vương

Bùi Ngọc Thạch